

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 95/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 22 - 9 - 2021  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quý.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Bình.  
Bà Huỳnh Thị Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 201/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021, về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thanh M, sinh năm 1972;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy D, sinh năm 1969;

Cùng nơi cư trú: Số nhà 93, đường ĐT, tổ 3, thôn A, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn; đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh M trình bày:*

Vào năm 1988, chị Phạm Thị Thanh M và anh Nguyễn Duy D tự nguyện tìm hiểu, và đăng ký kết hôn số 29 ngày 14/11/1988 tại UBND xã Tr, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 5 năm đầu, sau đó giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm mọi vấn đề trong cuộc sống. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh D, giữa vợ chồng anh chị không còn yêu thương, quý trọng nhau nên chị mong muốn được ly hôn với anh D.

Anh chị có 05 (năm) con chung là Nguyễn Duy Thùy L, sinh ngày 12/3/1992; Nguyễn Thị Hoàng O, sinh ngày 12/7/1994; Nguyễn Duy T, sinh ngày 07/01/2000; Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh ngày 05/3/2004 và Nguyễn Hoàng Ngọc V, sinh ngày 01/01/2008. Nay, các con Nguyễn Duy Thùy L, Nguyễn Thị Hoàng O, Nguyễn Duy T đã đủ tuổi trưởng thành nên các con ưng ở với ai thì người đó nuôi. Khi ly hôn theo nguyện vọng của chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con nhỏ là Nguyễn Thị Hoàng Y và Nguyễn Hoàng Ngọc V. Chị M không yêu cầu anh Nguyễn Duy D phải cấp dưỡng nuôi con Y và V.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Nguyễn Duy D:*

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn anh D không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã thực hiện việc xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Phạm Thị Thanh M và anh Nguyễn Duy D, thể hiện tại biên bản xác minh ngày 11/8/2021 của ông Nguyễn Thanh D là Thôn trưởng thôn A, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận đã cung cấp một số thông tin như sau:

Chị Phạm Thị Thanh M và anh Nguyễn Duy D hiện nay gia đình anh chị sinh sống và có hộ khẩu riêng thường trú tại địa phương: Thôn A, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình chung sống giữa chị M và anh D tại địa phương thì hiện tại anh D đã đi khỏi địa phương nhưng lâu lâu thấy anh D cũng về địa phương nhưng anh không về nhà. Về tình trạng hôn nhân của anh chị thì tôi (ông D) thấy anh chị đã sống ly thân từ lâu vì anh D đi làm ăn xa ít về. Vợ chồng của anh chị mâu thuẫn chủ yếu về tình cảm, là do vợ chồng cãi nhau và do anh D bỏ địa phương đi quá lâu nên chị M cũng không còn tình cảm với anh D nữa.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án, nhưng bị đơn anh Nguyễn Duy D không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

*Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự, đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho chị Phạm Thị Thanh M ly hôn với anh Nguyễn Duy D.

Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh M và anh Nguyễn Duy D hiện có 05 (năm) con chung là Nguyễn Duy Thùy L, sinh ngày 12/3/1992; Nguyễn Thị Hoàng O, sinh ngày 12/7/1994; Nguyễn Duy T, sinh ngày 07/01/2000; Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh ngày 05/3/2004 và Nguyễn Hoàng Ngọc V, sinh ngày 01/01/2008. Nay, các con Nguyễn Duy Thùy L, Nguyễn Thị Hoàng O, Nguyễn Duy T đã đủ tuổi thành niên nên không xem xét. Khi ly hôn theo nguyện vọng của chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con nhỏ là Nguyễn Thị Hoàng Y và Nguyễn Hoàng Ngọc V; Hiện tại, hai con Y và V còn nhỏ đang ở với chị M và hai con đều có nguyện vọng sống cùng với chị Mai nếu ba mẹ ly hôn. Từ đó, cần xem xét giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng hai con Nguyễn Thị Hoàng Y và Nguyễn Hoàng Ngọc V là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con Y và V đây là việc tự nguyện của đương sự nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung nay đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt tại phiên tòa đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh M và anh Nguyễn Duy D tự nguyện tìm hiểu, và đăng ký kết hôn số 29 ngày 14/11/1988 tại UBND xã Tr, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 5 năm đầu, sau đó giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm mọi vấn đề trong cuộc sống. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh D, giữa vợ chồng anh chị không còn yêu thương, quý trọng nhau nên chị mong muốn được ly hôn với anh D.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; nên nghĩ cần xử cho chị M ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh M và anh Nguyễn Duy D hiện có 05 (năm) con chung là Nguyễn Duy Thùy L, sinh ngày 12/3/1992; Nguyễn Thị Hoàng O, sinh ngày 12/7/1994; Nguyễn Duy T, sinh ngày 07/01/2000; Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh ngày 05/3/2004 và Nguyễn Hoàng Ngọc V, sinh ngày 01/01/2008. Nay, các con Nguyễn Duy Thùy L, Nguyễn Thị Hoàng O, Nguyễn Duy T đã trưởng thành nên không xem xét; đối với các con Nguyễn Thị Hoàng Y và Nguyễn Hoàng Ngọc V còn nhỏ và chị M yêu cầu được nuôi 02 con. Xét thấy, con Y và V còn nhỏ hiện đang ở với chị M, theo nguyện vọng của Y và V được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn, nên việc chị M yêu cầu được nuôi dưỡng hai con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ đó, nghĩ cần xem xét giao 02 con Y và V cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Về án phí: Chị M là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo luật định.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh M ly hôn anh Nguyễn Duy D.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh ngày 05/3/2004 và Nguyễn Hoàng Ngọc V, sinh ngày 01/01/2008.

Anh Nguyễn Duy D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005367 ngày 02 tháng 6 năm 2021. Chị Phạm Thị Thanh M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THA huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Trà Tân;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quý**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**











